

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KỸ NĂNG MỀM CHO SINH VIÊN Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

NGUYỄN THỊ NGỌC BÉ
 Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế
 HVCH. LÊ THỊ MỸ DUYÊN
 Trường Đại học Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Nhận bài ngày 15/11/2020. Sửa chữa xong 20/11/2020. Duyệt đăng 26/11/2020.

Abstract

This study aims to understand the management of soft skills education at Buon Ma Thuot University, Dak Lak province. The research results show that most managers and teachers believe that the management of soft skills education is carried out at a fairly regular level and very often, with relatively good results. However, the management of soft skills education in schools still has some limitations. Some managers and lecturers are not properly aware of the importance of managing soft skills education for students; The school has not developed a specific plan for soft skills education activities; The organization form is still monotonous, has not brought into play the positive self-awareness of student. Therefore, managers need to have specific measures in managing soft skills education to improve universities' quality of education today.

Keywords: *Managers, soft skills educators, lecturers, managers, students.*

1. Đặt vấn đề

Kỹ năng mềm (KNM) là những KN không liên quan trực tiếp đến kiến thức chuyên môn mà thiên về mặt tinh thần của mỗi cá nhân nhằm đảm bảo cho quá trình thích ứng với người khác, giúp duy trì tốt mối quan hệ tích cực và góp phần hỗ trợ thực hiện công việc một cách hiệu quả" [1]. Như vậy, song song với kiến thức chuyên môn, KNM đóng vai trò rất quan trọng đối với thành công trong sự nghiệp của mỗi người. Theo khảo sát của CareerBuilder (Mạng Việc làm và Tuyển dụng lớn nhất thế giới), khi đánh giá một ứng viên tiềm năng cho công việc, nhà tuyển dụng luôn khẳng định tầm quan trọng của KNM so với KN nghề nghiệp cơ bản [2]. Hay nói cách khác, khi có được các KNM, sinh viên (SV) sẽ có được lợi thế trong thị trường việc làm ngày càng cạnh tranh mạnh mẽ như hiện nay [3].

Tại Trường Đại học Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, hoạt động GDKNM cho SV chưa được thực hiện một cách thường xuyên, còn rất hạn chế hoặc trong một số ít hoạt động của Đoàn, Hội. Bên cạnh đó, một số cán bộ, giảng viên (GV) trong nhà trường vẫn chưa đánh giá được tầm quan trọng GDKNM cho SV. GV chưa quan tâm nhiều đến các giá trị của KNM mà SV cần phải được trang bị trước khi ra trường mà chỉ chú trọng vào mục tiêu kiến thức chuyên môn. Nhu cầu xã hội hiện đại đòi hỏi SV cần có những KNM để thích ứng cuộc sống. Xuất phát từ tình hình trên, nhận thấy việc nâng cao hoạt động KNM cho SV là vấn đề cấp thiết, cần được quan tâm. Do đó, chúng tôi lựa chọn đề tài: "Quản lý (QL) hoạt động GDKNM cho SV Trường Đại học Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk" để nghiên cứu thực hiện nhằm đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả trong công tác QL hoạt động GDKNM cho SV, từ đó giúp SV phát triển và rèn luyện các KNM cần thiết, đáp ứng yêu cầu của thị trường việc làm trong giai đoạn hiện nay.

2. Khách thể và phương pháp nghiên cứu

2.1. Khách thể nghiên cứu

Nghiên cứu đã tiến hành khảo sát ý kiến của của 275 SV Khoa Y và Khoa Dược, 153 CBQL và GV Trường Đại học Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Thời gian khảo sát từ tháng 5 đến tháng 7 năm 2020.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu đã sử dụng phương pháp chính là điều tra bằng bảng hỏi để khảo sát thực trạng QL hoạt động GDKNM. Phiếu điều tra được thiết kế theo thang Likert 5 bậc, tương ứng với 5 mức độ, từ 1 đến 5 (được quy ước cụ thể tại các bảng số liệu). Dữ liệu thu thập được sử dụng để tính tỉ lệ %, điểm trung bình, độ lệch chuẩn và hệ số tương quan của mỗi nội dung. Phương pháp xử lý số liệu bằng phần mềm SPSS 24.0 để xử lý dữ liệu số liệu từ kết quả điều tra khảo sát thực trạng.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thực trạng giáo dục kĩ năng mềm cho sinh viên ở Trường Đại học Buôn Ma Thuột

3.1.1. Thực trạng thực hiện nội dung giáo dục kĩ năng mềm cho sinh viên

Để tìm hiểu thực trạng thực hiện nội dung GDKNM cho SV, chúng tôi đã tiến hành khảo sát CBQL, GV và SV Trường Đại học Buôn Ma Thuột, kết quả thu được ở bảng 1.

Nội dung	Sinh viên					Cán bộ quản lý, giảng viên				
	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện		Hệ số tương quan	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện		Hệ số tương quan
	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
1. KN giao tiếp - ứng xử	3,42	0,88	3,39	0,92	0,58	3,76	0,91	3,76	0,95	0,67**
2. KN thuyết trình	3,45	0,98	3,43	0,95	0,60**	3,90	0,77	3,84	0,81	0,57**
3. KN giải quyết vấn đề	3,44	0,94	3,55	0,92	0,52**	4,01	0,85	3,95	0,87	0,68**
4. KN giải quyết mâu thuẫn	3,73	0,88	3,60	0,96	0,60**	3,96	0,88	3,92	1,03	0,56**
5. KN làm việc nhóm	3,69	0,98	3,50	0,95	0,60**	3,77	0,89	3,77	0,98	0,59**
6. KN học và tự học	3,57	0,97	3,46	1,00	0,57**	3,92	0,87	3,80	0,97	0,67**
7. KN tư duy sáng tạo	3,50	0,95	3,41	0,86	0,43**	3,91	0,98	3,88	0,97	0,77**
8. KN lập kế hoạch và tổ chức công việc	3,52	0,98	3,40	0,92	0,49**	4,02	0,93	4,03	0,95	0,65**
9. KN quản lý thời gian	3,61	0,94	3,52	0,91	0,59**	3,77	0,82	3,65	1,05	0,75**
10. KN ra quyết định có trách nhiệm	3,52	0,94	3,37	0,91	0,53**	3,78	0,95	3,60	0,97	0,76**
11. KN trả lời phỏng vấn xin việc	3,51	0,97	3,41	0,99	0,56**	3,65	1,05	3,65	0,98	0,65**
12. KN đàm phán	3,35	0,83	3,37	0,90	0,49**	3,79	0,97	3,76	1,02	0,66**

Bảng 1: Đánh giá của CBQL, GV và SV về mức độ thực hiện nội dung GDKNM

Chú thích: $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$; ** Tương quan có ý nghĩa ở mức 0,01

Dữ liệu nghiên cứu ở bảng 1 cho thấy, hầu hết các nội dung GDKNM cho SV đều được tiến hành khá thường xuyên; Theo SV đánh giá thì mức độ thực hiện GDKNM cho SV đa phần ở mức độ khá thường xuyên và kết quả thực hiện cũng đạt ở mức khá, với ĐTB dao động từ 3,39-3,60. Giữa mức độ thực hiện và kết quả thực hiện có mối tương quan thuận chặt chẽ. Đối với sự đánh giá của GV và CBQL cũng nhận được kết quả tương tự như sự đánh giá của SV. Tuy nhiên, mức độ đánh giá của GV và CBQL có sự chặt chẽ hơn so với SV. Cụ thể, mức độ thực hiện và kết quả thực hiện nhận được sự đánh giá với mức ĐTB cao hơn so với SV. Trong đó, mức độ thực hiện có ĐTB dao động từ 3,65-4,02. Và kết quả thực hiện có ĐTB dao động từ 3,60-4,03. Mức độ giao dục kĩ năng giao tiếp ứng xử và kĩ năng trả lời phỏng vấn, đàm phán được CBQL, GV và SV đánh giá ở mức thấp nhất so với các kĩ năng còn lại. Nguyên nhân của thực trạng trên, có thể vì GDKNM là một nội dung còn hết sức mới nên trong thực tế, việc tiến hành thực hiện các nội dung này một cách bài bản, thường xuyên là khó khăn. Qua trao đổi với một số CBQL, GV cho thấy, nội dung GDKNM mới chỉ được chú trọng giáo dục ở một số kĩ năng có thể lồng ghép trong các hoạt động tập thể khác của nhà trường.

Kết quả phân tích hệ số tương quan về mức độ thực hiện và kết quả thực hiện nội dung GDKNM cho thấy, ở hầu hết các nội dung GDKNM đều có mối tương quan thuận chặt chẽ. Điều đó có nghĩa là mức độ thực hiện càng cao thì kết quả thực hiện càng tốt. Riêng kĩ năng giao tiếp - ứng xử theo đánh giá của SV không có mối tương quan giữa mức độ thực hiện và kết quả thực hiện ($p < 0,05$).

3.1.2. Thực trạng thực hiện hình thức tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên

Dữ liệu nghiên cứu thực hiện hình thức tổ chức hoạt động GDKNM cho SV ở bảng 2 cho thấy, Trường Đại học Buôn Ma Thuột đã sử dụng khá nhiều hình thức tổ chức GDKNM cho SV.

Nội dung	Đánh giá của SV					Đánh giá của CBQL, GV				
	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện		Hệ số tương quan	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện		Hệ số tương quan
	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
1. GDKNM lồng ghép, tích hợp vào các môn học	3,41	0,91	3,39	0,94	0,58**	3,77	0,91	3,79	0,89	0,42**
2. GDKNM thông qua các buổi học tập chính trị	3,37	0,90	3,36	0,95	0,55**	3,95	0,90	3,84	0,94	0,57**
3. GDKNM thông qua các buổi sinh hoạt lớp, sinh hoạt chi đoàn, Hội SV	3,49	0,92	3,35	0,96	0,57**	3,82	0,93	3,71	0,92	0,48**
4. GDKNM lồng ghép vào các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao...	3,32	0,90	3,24	0,96	0,57**	3,89	0,98	3,85	0,96	0,50**
5. GDKNM thông qua hoạt động giao lưu, kết nghĩa, tham quan, dã ngoại	3,41	0,91	3,35	0,92	0,50**	3,71	1,09	3,87	0,94	0,58**
6. GDKNM thông qua câu lạc bộ, hoạt động ngoại khóa	3,45	0,96	3,33	0,95	0,56**	3,80	1,08	3,76	1,04	0,60**
7. GDKNM thông qua các buổi tuyên truyền giáo dục pháp luật	3,33	0,96	3,31	0,94	0,51**	3,84	0,94	3,71	1,08	0,59**
8. GDKNM thông qua các hoạt động xã hội, tình nguyện như mùa hè xanh, tư vấn mùa thi ...	3,47	0,98	3,47	0,94	0,56**	3,76	1,05	3,69	0,96	0,54**
9. GDKNM thông qua các buổi tư vấn, học tập chuyên đề về kỹ năng mềm	3,40	0,97	3,34	0,98	0,47**	3,70	1,05	3,46	1,02	0,45**
10. GDKNM qua hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	3,52	0,99	3,41	0,88	0,56**	3,85	0,94	3,69	1,16	0,61**

Bảng 2: Đánh giá của CBQL, GV, SV về hình thức tổ chức hoạt động GDKNM cho SV

Chú thích: $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$; ** Tương quan có ý nghĩa ở mức 0,01

Theo CBQL, GV đánh giá thì với 10 hình thức GDKNM mà chúng tôi đưa ra, mức độ thực hiện ở hình thức GDKNM qua hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp có ĐTB cao nhất, với mức độ thực hiện có ĐTB là 3,52 và kết quả thực hiện là 3,41. Tương tự đối với nội dung GDKNM thông qua các buổi học tập chính trị được GV và CBQL đánh giá ở mức độ thực hiện và kết quả thực hiện ở mức cao nhất với ĐTB lần lượt là 3,95 và 3,84.

Bên cạnh đó mức độ thực hiện và kết quả thực hiện có mối tương quan thuận rất chặt chẽ với nhau. Mức độ thực hiện càng thường xuyên thì kết quả thực hiện càng tốt. Ngoài các hình thức trên, ở Trường Đại học Buôn Ma Thuột còn có một hình thức tổ chức GDKNM cho SV trong toàn Trường Đại học Buôn Ma Thuột, đó là tổ chức các lớp KNM cho SV thông qua việc thu học phí (105.000 đồng/ khóa học 4 buổi/ kỹ năng). Tuy nhiên, hình thức này chưa thu hút được nhiều SV đăng ký theo học.

3.2. Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên ở Trường Đại học Buôn Ma Thuột

3.2.1. Quản lý việc thực hiện mục tiêu, nội dung, chương trình hoạt động GDKNM cho SV

Nghiên cứu đã tiến hành khảo sát khảo sát CBQL và GV về thực trạng QL việc thực hiện mục tiêu, nội dung, chương trình GDKNM cho SV. Kết quả được thể hiện ở bảng 3.

STT	Thực trạng quản lý việc thực hiện mục tiêu, nội dung, chương trình GDKNM cho SV	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện		Hệ số tương quan
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
1	Định hướng việc xác định mục tiêu, nội dung, chương trình GDKNM nhằm phát triển KNM cho SV.	3,87	0,84	3,84	0,84	0,59**
2	Tổ chức việc xây dựng mục tiêu, nội dung, chương trình GDKNM trong chương trình đào tạo.	3,76	0,89	3,72	0,99	0,67**
3	Chỉ đạo thực hiện mục tiêu, nội dung, chương trình GDKNM đã được xây dựng.	3,80	0,96	3,54	1,03	0,50**
4	Giám sát, đánh giá việc thực hiện mục tiêu, nội dung, chương trình GDKNM.	3,72	1,09	3,81	0,97	0,72**
5	Định kỳ rà soát, điều chỉnh những mục tiêu, nội dung, chương trình GDKNM chưa phù hợp.	3,71	0,90	3,75	0,87	0,59**

Bảng 3: Đánh giá của CBQL, GV về thực trạng quản lý thực hiện mục tiêu, nội dung, chương trình GDKNM cho SV

Chú thích: $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$; ** Tương quan có ý nghĩa ở mức 0,01

Kết quả khảo sát cho thấy, công tác này có mức độ thực hiện cũng như kết quả thực hiện ở mức khá. Cụ thể, ở nội dung “Định hướng việc xác định mục tiêu, nội dung, chương trình GDKNM nhằm phát triển KNM cho SV” nhận được sự đánh giá có mức độ thực hiện và kết quả thực hiện cao nhất với ĐTB lần lượt là 3,87 và 3,84. Bên cạnh đó, 2 nội dung là “Định kỳ rà soát, điều chỉnh những mục tiêu, nội dung, chương trình GDKNM chưa phù hợp và giám sát, đánh giá việc thực hiện mục tiêu, nội dung, chương trình GDKNM” là 2 nội dung nhận được sự đánh giá thấp nhất từ phía CBQL và GV về mức độ thực hiện. Kết quả này cũng cho thấy, cần chú ý hơn đến công tác định kỳ rà soát và việc giám sát, đánh giá thực hiện mục tiêu GDKNM để đạt được kết quả tốt hơn giúp SV có thể phát triển năng lực cũng như các KN cần thiết cho bản thân.

Dữ liệu nghiên cứu cũng cho thấy có mối tương quan thuận chặt chẽ giữa mức độ thực hiện và kết quả thực hiện ở nội dung này. Điều này có nghĩa là mức độ thực hiện càng thường xuyên thì kết quả thực hiện càng tốt.

3.2.2. Quản lý việc thực hiện đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động GDKNM

Phương pháp giáo dục hiện nay bên cạnh những phương pháp truyền thống đã được bổ sung thêm vào những phương pháp hiện đại, phù hợp với quy trình phát triển thế giới và tập trung phát huy năng lực và phẩm chất của người học. Vì vậy, công tác QL phương pháp giáo dục cũng cần phải có nhiều thay đổi. Theo kết quả từ bảng đánh giá của CBQL và GV về thực trạng QL việc thực hiện đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức GDKNM trong nhà trường cho thấy, đa số nội dung đều được thực hiện khá thường xuyên và mang lại hiệu quả tương đối tốt. Trong đó, 2 nội dung “Yêu cầu và tạo mọi điều kiện cho GV tham gia các lớp bồi dưỡng đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức GDKNM cho SV và chỉ đạo GV áp dụng các phương pháp giáo dục tích cực như: Phương pháp dự án, phương pháp giáo dục trong môi trường cộng đồng, phương pháp đóng vai...” là 2 nội dung được đánh giá có mức độ thực hiện khá thường xuyên nhất với ĐTB 3,80 và 3,73. Bên cạnh đó, nội dung được đánh giá có mức độ thực hiện thấp nhất là “Tăng cường nguồn lực cho đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức GDKNM” với ĐTB 3,58.

STT	Thực trạng quản lý việc thực hiện đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động GDKNM	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện		Hệ số tương quan
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
1	Yêu cầu và tạo mọi điều kiện cho GV tham gia các lớp bồi dưỡng đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức GDKNM cho SV	3,80	0,96	3,54	1,03	0,50**
2	Tăng cường nguồn lực cho đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức GDKNM cho SV	3,58	0,98	3,71	0,99	0,30**
3	Chỉ đạo các phòng ban, khoa tổ chức hội thảo về đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức GDKNM cho SV	3,63	0,96	3,60	1,03	0,64**
4	Chỉ đạo GV áp dụng các phương pháp giáo dục tích cực như: Phương pháp dự án, phương pháp giáo dục trong môi trường cộng đồng, phương pháp đóng vai...	3,73	1,09	3,82	0,97	0,73**
5	Sử dụng kết quả thực hiện đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức GDKNM để đánh giá, xét thi đua đối với GV.	3,65	0,89	3,72	0,96	0,65**

Bảng 4: Đánh giá của CBQL, GV về thực trạng quản lý việc thực hiện đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động GDKNM

Chú thích: $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$; r: Hệ số tương quan: ** Tương quan có ý nghĩa ở mức 0,01

Nhìn vào kết quả thực hiện ta cũng sẽ thấy, giữa mức độ thực hiện và kết quả thực hiện có mối tương quan thuận thuận chặt chẽ. Kết quả này cho thấy, đây là một tín hiệu khả quan trong công tác QL việc thực hiện đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức GDKNM. Bởi lẽ QL đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức GDKNM là một trong những nhiệm vụ trọng tâm đối với các nhà trường hiện nay. Đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức GDKNM sẽ giúp nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường cũng như giúp HS rèn luyện và phát triển các KNM một cách có hiệu quả.

3.2.3. Quản lý các điều kiện hỗ trợ thực hiện hoạt động GDKNM cho SV

CSVC, các điều kiện thực hiện GDKNM là một phần không thể thiếu trong quá trình GDKNM cho SV ở các trường ĐH. CSVC, điều kiện thực hiện GDKNM tại Trường Đại học Buôn Ma Thuột bao gồm các tiêu chí: Điều kiện tổ chức GDKNM cho SV đã được Bộ GD&ĐT tạo quy định cụ thể tại Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT [4], nhưng có thể đây là nội dung còn hết sức mới nên việc chuẩn bị CSVC và các điều kiện thực hiện GDKNM tại nhà trường chưa tốt.

STT	Thực trạng quản lý các điều kiện hỗ trợ thực hiện hoạt động GDKNM cho SV	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện		Hệ số tương quan
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
1	Phân tích và đánh giá thực trạng CSVC, TBDH, giáo dục của nhà trường, xác định nhu cầu ưu tiên về trang bị, sử dụng và bảo quản CSVC, thiết bị giáo dục phục vụ GDKNM.	3,65	1,09	3,67	0,93	0,55**
2	Xây dựng kế hoạch mua sắm, sửa chữa, bổ sung, tiếp nhận và sử dụng CSVC, phương tiện, thiết bị giáo dục phục vụ hoạt động GDKNM.	3,50	1,18	3,65	1,06	0,68**
3	Chuẩn bị đầy đủ CSVC - phương tiện, thiết bị giáo dục phục vụ hoạt động GDKNM.	3,73	0,95	3,80	1,08	0,57**
4	Tổ chức và chỉ đạo mua sắm, sửa chữa, bổ sung, tiếp nhận, thiết bị giáo dục phục vụ hoạt động GDKNM.	3,82	0,95	3,65	0,96	0,61**
5	Tổ chức và chỉ đạo việc bảo quản, khai thác, sử dụng có hiệu quả các, thiết bị giáo dục phục vụ hoạt động GDKNM.	3,92	0,90	3,69	0,98	0,48**
6	Tổ chức giới thiệu CSVC, thiết bị giáo dục hiện có của nhà trường cho toàn thể GV nắm bắt, tạo điều kiện thuận lợi để GV tìm hiểu và sử dụng.	3,82	0,97	3,78	0,95	0,49**
7	Tổ chức phong trào GV tự làm thiết bị giáo dục phục vụ hoạt động GDKNM.	3,58	0,83	4,10	0,92	0,30**
8	Giám sát, đánh giá việc sử dụng, bảo quản CSVC, thiết bị giáo dục phục vụ hoạt động GDKNM.	3,52	0,91	3,80	0,94	0,28**
9	Huy động, chuẩn bị kinh phí cho hoạt động GDKNM.	3,63	1,06	3,90	0,87	0,28**
10	Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục để tăng nguồn kinh phí phục vụ hoạt động GDKNM.	3,52	1,06	3,95	1,00	0,46**

Bảng 5: Đánh giá của CBQL, GV về thực trạng quản lý cơ sở vật chất và các điều kiện thực hiện hoạt động GDKNM

*Chú thích: 1 ≤ ĐTB ≤ 5; ** Tương quan có ý nghĩa ở mức 0,01*

Kết quả khảo sát ở bảng 5 cho thấy, hầu hết nội dung đều được CBQL, GV đánh giá ở mức độ thực hiện khá thường xuyên và kết quả thực hiện khá. Cụ thể: "Tổ chức và chỉ đạo mua sắm, sửa chữa, bổ sung, tiếp nhận CSVC, thiết bị giáo dục phục vụ hoạt động GDKNM; Tổ chức và chỉ đạo việc bảo quản và khai thác sử dụng có hiệu quả các CSVC, thiết bị giáo dục phục vụ cho hoạt động GDKNM và tổ chức giới thiệu CSVC, thiết bị giáo dục hiện có của nhà trường cho toàn thể GV nắm bắt, tạo điều kiện thuận lợi để GV tìm hiểu và sử dụng" nhận được sự đánh giá cao nhất từ phía CBQL và GV.

Bên cạnh đó, nội dung "Xây dựng kế hoạch mua sắm, sửa chữa, bổ sung, tiếp nhận và sử dụng CSVC, phương tiện, CSVC, thiết bị giáo dục phục vụ hoạt động GDKNM" là nội dung nhận được đánh giá thấp nhất từ phía CBQL và GV với ĐTB lần lượt là 3,50, 3,65 đối với mức độ thực hiện và kết quả thực hiện. Kết quả thực hiện cũng như mức độ thực hiện là khá tốt, tuy nhiên vẫn có một số hạn chế trong công tác quản lý các điều kiện hỗ trợ thực hiện hoạt động GDKNM cho SV. Bởi lẽ trong trường, phương tiện, tài liệu dành cho hoạt động này còn khan hiếm. Nguồn kinh phí chi cho hoạt động này còn quá eo hẹp nên chưa đáp ứng được hết yêu cầu giáo dục của nhà trường. Song bên cạnh đó, nhà trường cũng cố

gắng trang bị một phần kinh phí cho hoạt động GDKNM, hầu hết kinh phí chủ yếu dành cho hoạt động chuyên môn, hoạt động thường xuyên. Điều này cũng bộc lộ những bất cập, hạn chế trong nhận thức của một số CBQL. Do đó, các nhà quản lý cần phải nỗ lực nhiều hơn nữa để tìm ra các biện pháp khắc phục những khó khăn, bất cập, hạn chế nêu trên.

3.2.4. Quản lý việc KT-ĐG hiệu quả hoạt động GDKNM cho SV

Công tác KT-ĐG hoạt động GDKNM cho SV có vai trò quan trọng trong việc khẳng định những ưu điểm, phát hiện những hạn chế, sai sót, kịp thời thực hiện điều chỉnh cần thiết để hoạt động đi đúng hướng, đảm bảo thực hiện mục tiêu QL.

STT	Thực trạng quản lý việc KT-ĐG hiệu quả hoạt động GDKNM cho SV	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện		Hệ số tương quan
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
1	Kiểm tra việc xây dựng kế hoạch hoạt động GDKNM thông qua hồ sơ, sổ sách.	4,01	1,00	4,04	0,86	0,48**
2	Kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch hoạt động GDKNM của các lực lượng giáo dục trong nhà trường.	3,84	1,01	4,07	0,94	0,59**
3	Kiểm tra đột xuất việc thực hiện kế hoạch hoạt động GDKNM của các lực lượng giáo dục trong nhà trường.	3,86	1,00	3,96	0,97	0,53**
4	Kiểm tra việc lồng ghép nội dung GDKNM thông qua chủ đề hoạt động trải nghiệm của các bộ phận được phân công.	3,82	0,91	3,89	1,09	0,71**
5	Kiểm tra việc phối hợp giữa các lực lượng giáo dục thực hiện hoạt động GDKNM.	4,03	0,93	3,83	0,94	0,67**
6	KT-ĐG kết quả hoạt động GDKNM thông qua kết quả rèn luyện của SV.	3,86	0,91	3,88	0,99	0,60**

Bảng 6: Đánh giá của CBQL, GV về thực trạng quản lý việc KT-ĐG kết quả hoạt động GDKNM

Kết quả nghiên cứu ở bảng 6 cho thấy, việc KT-ĐG kết quả của từng hoạt động GDKNM cho SV Trường Đại học Buôn Ma Thuột ở mức độ tương đối tốt. Trong đó, công tác này đang được thực hiện tương đối tốt tại nhà trường. Cụ thể, ở nội dung “Kiểm tra việc phối hợp giữa các lực lượng giáo dục thực hiện hoạt động GDKNM và kiểm tra việc xây dựng kế hoạch hoạt động GDKNM thông qua hồ sơ, sổ sách” là 2 nội dung nhận được sự đánh giá cao nhất từ phía CBQL và GV. Bên cạnh đó, “Kiểm tra việc lồng ghép nội dung GDKNM thông qua chủ đề hoạt động trải nghiệm của các bộ phận được phân công” là nội dung nhận được sự đánh giá thấp nhất ở mức độ thực hiện với ĐTB=3,82.

Một trong những hạn chế của Trường Đại học Buôn Ma Thuột hiện nay là chưa đưa GDKNM cho SV vào đào tạo chính khóa theo hệ thống đào tạo tín chỉ nên công tác KT-ĐG KNM cho SV chưa được thực hiện. Việc đánh giá kết quả GDKNM cho SV chủ yếu được thực hiện ở mức độ hoàn thành hoặc không hoàn thành khi tham gia các khóa GDKNM đại trà do nhà trường tổ chức, thường là cho SV năm cuối trước khi ra trường. Việc KT-ĐG kết quả GDKNM của SV không được chấm điểm và cũng không xếp loại. Kết quả phân tích tương quan giữa mức độ thực hiện và kết quả thực hiện ở bảng 6 cũng cho thấy, có mối tương quan thuận chặt chẽ về mức độ thực hiện và kết quả thực hiện việc KT-ĐG kết quả hoạt động GDKNM cho SV.

4. Kết luận

GDKNM là quá trình hình thành và phát triển cho người học các KNM cần thiết để đảm bảo cho quá trình thích ứng với người khác và công việc, giúp duy trì tốt các mối quan hệ tích cực và hỗ trợ thực hiện công việc một cách hiệu quả thông qua những cách thức và nội dung khác nhau. GDKNM cần phải chú trọng đến giáo dục các giá trị về mặt tinh thần cho người học song song với các hành vi tương ứng. GDKNM phải bắt đầu từ rèn luyện các giá trị nội tâm, giá trị tinh thần cho người học trước. Trên cơ sở đó, KNM mới được bộc lộ ra ngoài bằng các hành vi, thao tác, cách ứng xử cụ thể. Trên cơ sở phân tích và nghiên cứu thực trạng QL hoạt động GDKNM cho SV Trường Đại học Buôn Ma Thuột, tác giả rút ra kết luận sau:

Đội ngũ CBQL, GV đã nhận thức đúng về vị trí, vai trò và nhiệm vụ của hoạt động GDKNM cho SV.

Song công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho CBQL, GV và SV về vai trò của GDKNM thực tế chưa được đầy đủ, thường xuyên và sâu rộng. Ban Giám hiệu nhà trường đã có lập kế hoạch và chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện thành công một số hoạt động GDKNM cho SV. Bước đầu đã có tác dụng hình thành phát triển KN nghề nghiệp của SV, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường. Để thực hiện tốt và phát huy hiệu quả hoạt động này, nhà trường, CBQL và GV cần có những biện pháp cụ thể để tăng cường và nâng cao hiệu quả GDKNM, đáp ứng yêu cầu thị trường việc làm hiện nay. Đặc biệt là các trường đại học cần tạo điều kiện cho GV tham gia chương trình bồi dưỡng, các khóa tập huấn về GDKNM nhằm nâng cao năng lực GDKNM cho GV, góp phần phát triển và rèn luyện các KNM cần thiết cho SV.

Tài liệu tham khảo

1. Huỳnh Văn Sơn, *Khảo sát một vài biện pháp phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên đại học sư phạm*, Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, số 50/2013, tr. 68-73.
2. *Kỹ năng mềm mà 77% nhà tuyển dụng mong muốn ở ứng viên*.
 Nguồn: <https://careerbuilder.vn/vi/talentcommunity/ky-nang-mem-ma-77-nha-tuyen-dung-mong-muon-o-ung-vien.35A513AF.html>.
3. Trần Mai Thảo, Võ Thị Trúc Phương, *Nâng cao chất lượng đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên ngành Quản trị nhà hàng - Khách sạn tại Trường Cao đẳng Kinh tế đối ngoại*, Tạp chí Giáo dục, số 471, kì 1 tháng 2/2020, tr. 61-65.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 ban hành quy định quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa*, Hà Nội, 2014.
5. Bùi Loan Thủy, *Tăng cường giáo dục, rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm cho sinh viên - yêu cầu cấp bách của đổi mới giáo dục đại học*, Tạp chí Phát triển và Hội nhập số 8/2010.
6. Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Đinh Thị Kim Thoa, Đặng Hoàng Minh, *Giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho học sinh trung học cơ sở*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2010.
7. Nguyễn Thanh Bình, *Giáo dục kỹ năng sống ở Việt Nam*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2005.
8. Nancy J. Patrick, *Social skills for teenagers and adults with asperger syndrome*, Jessica Kingsley Publisher, 2008.